

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1- Đ
TỈNH Đ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 85/2026/HSST

Ngày: 31 - 3 - 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1- Đ, TỈNH Đ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Thúy Thành

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Cao Thị Hồng Minh

2. Bà Tạ Thị Mùa

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thương Huyền - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 1- Đ, tỉnh Đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Đ, tỉnh Đ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 1- Đ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 83/2026/TLST-HS ngày 13 tháng 3 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2026/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 3 năm 2026, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lò Văn T**; Tên gọi khác: Không có tên gọi khác

Sinh ngày: 12/4/1995, tại Đ.

Căn cước công dân số: 011095000423; Cấp ngày: 03/4/2021; Nơi cấp: Cục CSQLHC về TTXH- Bộ công an;

Nơi cư trú trước khi bị bắt: Bản L, xã T, tỉnh Đ.

Nghề nghiệp: Nông nghiệp; Trình độ văn hoá: 9/12 phổ thông; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lò Văn T (Đã chết) và bà: Lò Thị D; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Ngày 17/5/2013 bị Tòa án nhân dân huyện Đ (Nay là tòa án nhân dân khu vực 2- Đ), tỉnh Đ xét xử và xử phạt 18 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Ngày 29/4/2014 bị cáo chấp hành xong Bản án, đến lần phạm tội này, đương nhiên được xóa án tích. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam từ ngày 04/01/2026, cho đến ngày xét xử sơ thẩm (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 24/12/2025, Lò Văn T một mình đi xe đạp của bà Lò Thị D (là mẹ đẻ của T) từ nhà tại bản L, xã T, tỉnh Đ đến bản Xôm, xã T, tỉnh Đ để tìm mua ma túy sử dụng. Khi đi vào bản, T gặp và mua được của một người đàn ông không biết tên tuổi, địa chỉ được 02 viên Methamphetamine gói ngoài bằng mảnh nilon màu hồng với giá 100.000 đồng. Sau khi mua được ma túy, trên đường đi về đến khu vực bản Hua Pe, xã T, tỉnh Đ thì T rẽ vào bụi cây ven đường lấy 02 viên Methamphetamine vừa mua được đặt lên mảnh giấy bạc và dùng bật lửa ga mang theo rồi hơ nóng bốc khói sau đó sử dụng ống điều tự chế để hút hết qua đường miệng. Sau khi sử dụng xong, T vứt toàn bộ dụng cụ vừa dùng để sử dụng ma túy xuống nương nước gần đó rồi đi về nhà.

Ngày 30/12/2025 Công an xã T sau khi tiếp nhận tin báo của công dân đã tiến hành test nhanh để kiểm tra chất ma túy trong cơ thể Lò Văn T, kết quả: Dương tính với chất ma túy đồng thời tiến hành thu mẫu nước tiểu của T để trung cầu giám định chất ma túy.

Tại bản kết luận giám định số 08/KL-KTHS ngày 02/01/2026 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đ kết luận: Trong mẫu nước tiểu của Lò Văn T có chứa chất ma túy loại Methamphetamine.

Lò Văn T là người đang điều trị cai nghiện bằng thuốc thay thế theo quy định của Luật phòng chống ma túy kể từ ngày 29/9/2015 đến ngày bị bắt tại Trạm y tế xã T, tỉnh Đ.

Tại biên bản xác minh ngày 04/01/2026 của Trạm y tế xã T - thuộc Trung tâm y tế Thanh An, tỉnh Đ xác nhận: Lò Văn T hiện tại đang điều trị cai nghiện các chất ma túy bằng thuốc thay thế Methadone tại trạm y tế xã T, thời gian từ ngày 29/9/2015 cho đến nay theo bệnh án số 0102253.

Tại bản cáo trạng số: 78/CT-VKSKV1 ngày 12/3/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Đ đã truy tố bị cáo Lò Văn T về tội: Sử dụng trái phép chất ma túy, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 256a/BLHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Đ giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Lò Văn T về tội "Sử dụng trái phép chất ma túy". Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 256a, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38/BLHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025, xử phạt bị cáo từ 02 năm 01 tháng đến 02 năm 04 tháng tù. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa bị cáo Lò Văn T không có lời bào chữa nào, nhất trí với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Đ.

Lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi của bị cáo bị truy tố: Vào khoảng 20 giờ 30 phút ngày 24/12/2025, tại khu vực bản Hua Pe, xã T, tỉnh Đ, Lò Văn T đã có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Lò Văn T là người đang điều trị cai nghiện bằng thuốc thay thế theo quy định của Luật phòng chống ma túy kể từ ngày 29/9/2015 đến ngày bị bắt tại Trạm y tế xã T – **Trung tâm y tế T**, tỉnh Đ.

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với: Biên bản lấy lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, biên bản làm việc về nội dung nghiện các chất ma túy bằng thuốc thay thế theo quy định của Luật Phòng, chống ma túy, bệnh án điều trị của bị cáo và kết luận giám định số: 08/KL-KTHS ngày 02/01/2026, của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Đ.

Do đó có đủ cơ sở khẳng định: Hành vi sử dụng ma túy của bị cáo khi đang điều trị các chất ma túy bằng thuốc thay thế theo quy định của Luật Phòng, chống ma túy là phạm tội “Sử dụng trái phép chất ma túy”, quy định tại điểm a khoản 1 Điều 256a/BLHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội tại địa phương, bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, khi thực hiện hành vi phạm tội có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự.

Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại điểm s, i khoản 1 Điều 51/BLHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 52/BLHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025. Nhân thân: Bị cáo là người có nhân thân xấu. Ngày 17/5/2013 bị Tòa án nhân dân huyện Đ (Nay là tòa án nhân dân khu vực 2- Đ), tỉnh Đ xét xử và xử phạt 18 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Ngày 29/4/2014 bị cáo chấp hành xong Bản án, đến lần phạm tội này, đương nhiên được xóa án tích.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội. Vì vậy, cần phải áp dụng một hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo là hình phạt tù, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian, để bị cáo có điều kiện cai nghiện, đồng thời để cải tạo, giáo dục bị cáo thành người công dân có ích cho xã hội.

Bị cáo là người sử dụng ma túy, nhận thức rõ hành vi sử dụng trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, căn cứ vào nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, thì mức hình phạt mà đại diện viện kiểm sát đề nghị là phù hợp, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2]. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an tỉnh Đ, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Đ, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, hành

vi, quyết định tổ tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3]. Người đàn ông đã bán ma túy cho bị cáo, nhưng bị cáo không biết họ, tên, địa chỉ của người này, cơ quan điều tra không xác minh làm rõ được, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136/BLTTHS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, bị cáo Lò Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 256a, điểm i, s, khoản 1 Điều 51, Điều 38/BLHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025.

- Tuyên bố bị cáo Lò Văn T phạm tội “Sử dụng trái phép chất ma túy”.
- Xử phạt bị cáo Lò Văn T 02 (Hai) năm 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giam (ngày 04/01/2026).

2. Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136/BLTTHS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, bị cáo Lò Văn T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333/BLTTHS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025, bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 31/3/2026).

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND khu vực 1- Đ;
- VKSND tỉnh ĐB;
- Cơ quan điều tra, Công an tỉnh ĐB;
- Phòng CSTHHS và HTTP Công an tỉnh ĐB;
- Phòng HSNV, Công an tỉnh ĐB;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Đ;
- Phân trại tạm giam Mường Thanh;
- Thi hành án dân sự tỉnh Đ;
- TAND tỉnh Đ;
- HS THA Hình sự;
- Lưu HS vụ án;
- Lưu VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Thị Thúy Thành

-

